THIS FACILITIES AGREEMENT (the " **Facilities Agreement**") [●] is made on [●] at [●] by and between:
***HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NÀY** ("**Hợp Đồng Tín Dụng**") số [●] được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] tại [●] bởi và giữa*

(1) **JPMORGAN CHASE BANK, N.A., ACTING THROUGH ITS HO CHI MINH BRANCH**
NGÂN HÀNG JPMORGAN CHASE, N.A., HÀNH ĐỘNG THÔNG QUA CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Registered Address: [●]
Địa chỉ đăng ký: [●]
Enterprise Code: 107055 dated 28 October 1999 (amended for <The latest amendment of EC> issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City
Mã số doanh nghiệp: 107055 ngày 28 tháng 10 năm 1999 (được sửa đổi lần thứ <lần sửa đổi MSDN gần nhất> được cấp bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh
(the "**Bank**"); and
*("**Ngân Hàng**"); và*

(2) [-name of the Customer-]
[-tên của Khách Hàng-]
Registered Address: _____
Địa chỉ đăng ký: _____
Enterprise Code (for corporate customer): [*] issued by [name of issuing authority of EC]
Mã Số Doanh Nghiệp (đối với khách hàng doanh nghiệp): [*] được cấp bởi [tên của cơ quan cấp MSDN]

and
và

(3) [-name of the Customer-]
[-tên của Khách Hàng-]
Registered Address: _____
Địa chỉ đăng ký: _____
Enterprise Code (for corporate customer): [*] issued by [name of issuing authority of EC]
Mã Số Doanh Nghiệp (đối với khách hàng doanh nghiệp): [*] được cấp bởi [tên của cơ quan cấp MSDN]

and
và

(4) [-name of the Customer-]
[-tên của Khách Hàng-]
Registered Address: _____
Địa chỉ đăng ký: _____
Enterprise Code (for corporate customer): [*] issued by [name of issuing authority of EC]
Mã Số Doanh Nghiệp (đối với khách hàng doanh nghiệp): [*] được cấp bởi [tên của cơ quan cấp MSDN]

([the "**Customer**"]/[each referred to individually and separately herein the "**Customer**"])
(["**Khách Hàng**"]/ [mỗi bên được dẫn chiếu đến riêng rẽ và tách biệt trong Hợp Đồng Tín Dụng này là "**Khách Hàng**"])

WHEREAS:
XÉT RẰNG

(A) The Customer has requested the Facilities (as defined below) for the purpose specified in Clause 1.3(c) below,
Khách Hàng đã xin cấp các Khoản Tín Dụng (được định nghĩa bên dưới) cho các mục đích được nêu trong Điều 1.3(c) bên dưới,

(B) The Bank agrees to provide the Facilities on the terms and conditions set forth herein,

Ngân Hàng đồng ý cấp các Khoản Tín Dụng theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Hợp Đồng Tín Dụng này,

NOW, THEREFORE, the parties hereto agree as follows:
***DO ĐÓ, NAY,** các bên trong Hợp Đồng Tín Dụng này thỏa thuận như sau:*

1. GENERAL TERMS
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1.1 The Facilities made available to the Customer(s) pursuant to this Facilities Agreement shall be subject to the terms and conditions set out in this Facilities Agreement and the General Terms Agreement attached to this Facilities Agreement (the "**GTA**").
*Các Khoản Tín Dụng được cung cấp cho (các) Khách Hàng theo Hợp Đồng Tín Dụng này phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện trong Hợp Đồng Tín Dụng này và Thỏa Thuận Về Các Điều Khoản Chung đính kèm theo Hợp Đồng Tín Dụng này ("**TTVCĐKC**").*

1.2 The terms and conditions set out in the GTA are incorporated into this Facilities Agreement by reference in their entirety. Terms defined in the GTA have the same meaning when used in this Facilities Agreement unless given a different meaning in this Facilities Agreement. In the event of any conflict or inconsistency between the provisions of this Facilities Agreement and the GTA, this Facilities Agreement will prevail.
Toàn bộ các điều khoản và điều kiện quy định trong TTVCĐKC được đưa vào Hợp Đồng Tín Dụng này bằng dẫn chiếu. Các thuật ngữ được định nghĩa trong TTVCĐKC có ý nghĩa giống như vậy khi được sử dụng trong Hợp Đồng Tín Dụng này trừ khi được đưa ra ý nghĩa khác trong Hợp Đồng Tín Dụng này. Trong trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn hoặc sự khác nhau nào giữa các điều khoản của Hợp Đồng Tín Dụng này và TTVCĐKC, thì Hợp Đồng Tín Dụng này sẽ được ưu tiên áp dụng.

1.3 The Facilities made available pursuant to this Facilities Agreement shall be subject to the following:
Các Khoản Tín Dụng được cung cấp căn cứ theo Hợp Đồng Tín Dụng này sẽ phụ thuộc vào các quy định sau đây:

a. The Customer[s] :
(Các) Khách Hàng[1]:

[*Insert full legal name of the/each Customer*]

[*Điền tên pháp lý đầy đủ của (từng) Bên Vay*]

([the "**Customer**"]/[each referred to individually and separately herein as the "**Customer**"])

*(["**Khách Hàng**"]/ [mỗi bên được dẫn chiếu đến riêng rẽ và tách biệt trong Hợp Đồng Tín Dụng này là "**Khách Hàng**"])*

b. Overall Limit:

Tổng Hạn Mức:

The Facility(ies) as set out in Annexure A (*The Facilities*) are offered on an uncommitted basis and are subject to the terms set out in the GTA. At no time shall the aggregate principal amount outstanding exceed [VND]/[USD] [*](the "**Overall Limit**") and at no time shall the aggregate drawings under an individual Facility exceed its available corresponding sub-limit set out in Annexure A (*The Facilities*) (which may be amended from time to time as agreed in writing by the Bank).

(Các) khoản tín dụng như được nêu tại Phụ Lục A (Các Khoản Tín Dụng) được cấp trên cơ sở không cam kết và còn tùy thuộc vào các điều khoản nêu tại TTVCĐKC. Vào mọi thời điểm, tổng số tiền dư nợ gốc đều không vượt quá [*] *[VND]/[USD] ("**Tổng Hạn Mức**") và vào mọi thời điểm tổng các khoản tiền rút thuộc từng Khoản Tín Dụng riêng đều không vượt quá hạn mức phụ tương ứng khả dụng nêu tại Phụ Lục A (Các Khoản Tín Dụng) (có thể được sửa đổi tùy từng thời điểm như được Ngân Hàng đồng ý bằng văn bản).*

c. Purpose:

Mục Đích:

The Facility will be granted to the Customer for its general working capital and any specific purpose set out in Annexure A (*The Facilities*).

Khoản Tín Dụng sẽ được cấp cho Khách Hàng để làm vốn lưu động nói chung và cho bất kỳ mục đích cụ thể nào nêu trong Phụ Lục A (Các Khoản Tín Dụng).

d. Final Maturity Date:

Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng:

[*]

[*]

e. Credit Support Provider :

Bên Cung Cấp Hỗ Trợ Tín Dụng[2]:

[These Facilities shall be unsecured, subject to the terms and conditions in the GTA.]/[The Facilities are [secured]/[supported by a letter of comfort issued by [●]][supported by a guarantee to be granted by [●].]

[Các Khoản Tín Dụng này không được bảo đảm, còn tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện trong TTVCĐKC.] / [Các Khoản Tín Dụng [được bảo đảm]/[hỗ trợ bằng thư xác nhận được phát hành bởi [●]][hỗ trợ bằng bảo lãnh do [●] cấp]

(i) Type of credit support: (Insert description of nature of security interest(s)/guarantee)

Hình thức hỗ trợ tín dụng: (Điền thông tin mô tả tính chất của (các) lợi ích bảo đảm/bảo lãnh)

(ii) Credit Support Provider(s): [insert full legal name] (the "**Credit Support Provider(s)**")

*(các) Bên Cung Cấp Hỗ Trợ Tín Dụng: [điền tên pháp lý đầy đủ] ("**(các) Bên Cung Cấp Hỗ Trợ Tín Dụng**")*

f. Conditions Precedent:

Các điều kiện tiên quyết:

Without prejudice to the uncommitted nature of the Facilities, the Facilities will not be available for utilisation:

Không làm ảnh hưởng đến tính chất không cam kết của các Khoản Tín Dụng, các Khoản Tín Dụng sẽ không được giải ngân:

(i) unless the Bank has received the documents and/or evidence listed in Annexure B (*Conditions Precedent*) each in form and substance satisfactory to it; and

(ii) unless the Bank is satisfied in its sole and absolute discretion that:

(A) [there are no material changes affecting the financial condition, operating environment, management or directorship of the Customer;

(B) no Event of Default or Potential Event of Default is continuing or would result from the proposed utilisation (and an Event of Default shall be said to be continuing if it has not been waived or a Potential Event of Default shall be said to be continuing if it has not been remedied or waived); and]

(C) the representations set out in Clause 8 (*Representations and warranties*) of the GTA are true and correct in all material respects.

(i) trừ khi Ngân Hàng đã nhận được các tài liệu và/hoặc bằng chứng liệt kê tại Phụ Lục [B] (Các Điều Kiện Tiên Quyết), từng tài liệu và/hoặc bằng chứng có hình thức và nội dung mà Ngân Hàng xét thấy thỏa đáng; và

(ii) trừ khi Ngân Hàng thấy thỏa mãn, theo toàn quyền tùy nghi của riêng mình, rằng:

(A) [không có thay đổi nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, môi trường hoạt động, quản lý hoặc chức danh giám đốc của Khách Hàng;

(B) không có Sự Kiện Vi Phạm hoặc Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Ẩn nào đang tiếp diễn hoặc sẽ phát sinh từ việc rút vốn dự kiến (và Sự Kiện Vi Phạm được xem là đang tiếp diễn nếu chưa được bỏ qua hoặc Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Ẩn được xem là sẽ tiếp diễn nếu chưa được khắc phục hoặc bỏ qua); và]

(C) các cam đoan nêu tại Điều [8] (Các Cam Đoan Và Bảo Đảm) của TTVCĐKC đều đúng và chính xác về mọi phương diện quan trọng.

g. Additional Representations:

Các Cam Đoan Bổ Sung:

Without prejudice to the representations and warranties set out in the GTA, the Customer makes the following additional representations and warranties to the Bank, which shall be deemed repeated by the Customer as set out in the Clause 8 (*Representations and warranties*) of the GTA:

Không làm ảnh hưởng đến các cam đoan và bảo đảm nêu trong TTVCĐKC, Khách Hàng đưa ra các cam đoan và bảo đảm bổ sung sau đây đối với Ngân Hàng, mà được xem là được Khách Hàng lặp lại như nêu tại Điều [8] (Các Cam Đoan và Bảo Đảm) của TTVCĐKC:

(i) [It is not required under the law applicable where it is incorporated or resident or at the address specified in a Facility Document to make any Tax Deduction from any payment it may make under that Facility Document.]

[Luật áp dụng tại nơi Khách Hàng thành lập hoặc cư trú hoặc tại địa chỉ được ghi tại Tài Liệu Tín Dụng không yêu cầu Khách Hàng phải thực hiện bất kỳ Khoản Khấu Trừ Thuế nào từ bất kỳ khoản thanh toán nào mà Khách Hàng có thể thực hiện theo Tài Liệu Tín Dụng đó.][3]

(ii) [Under the law of its jurisdiction of incorporation it is not necessary that a Facility Document be filed, recorded or enrolled with any court or other authority in that jurisdiction or that any stamp, registration or similar tax be paid on or in relation to that Facility Document or the transactions contemplated by that Facility Document.]

[Theo luật của lãnh thổ tài phán nơi Khách Hàng thành lập, một Tài Liệu Tín Dụng không cần phải được nộp, lưu hoặc đăng ký với bất kỳ tòa án hoặc cơ quan hữu quan khác tại lãnh thổ tài phán đó hoặc bất kỳ lệ phí trước bạ, đăng ký hoặc thuế tương tự nào phải được trả cho hoặc liên quan đến Tài Liệu Tín Dụng đó hoặc các giao dịch được dự kiến bởi Tài Liệu Tín Dụng đó.][4]

h. Additional Covenants:

Các cam kết bổ sung:

Without prejudice to the covenants set out in the GTA, until all obligations of the Customer pursuant to the Facilities have been discharged in full to the satisfaction of the Bank, the Customer additionally covenants and undertakes the following to the Bank:

Không làm ảnh hưởng đến các cam kết nêu trong TTVCĐKC, cho đến khi tất cả các nghĩa vụ của Khách Hàng căn cứ theo các Khoản Tín Dụng đã được hoàn thành đầy đủ mà Ngân Hàng xét thấy thỏa đáng, Khách Hàng cam kết và cam đoan thêm như sau với Ngân Hàng:

i. Cross Default Threshold:

Giới hạn vi phạm chéo:

[Clause 18(c) (*Events of Default*) is amended by the addition of the following paragraph:]

[Điều 18(c) (Sự Kiện Vi Phạm) được sửa đổi bằng cách bổ sung đoạn sau:]

"No Event of Default will occur under this sub-clause if the aggregate amount of the Financial Indebtedness or commitment for Financial Indebtedness is less than [●]."

"*Không có Sự Kiện Vi Phạm nào xảy ra theo tiểu khoản này nếu tổng số tiền của Nợ Tài Chính hoặc cam kết cho Nợ Tài Chính là ít hơn [●].*"

j. Additional Events of Default:

Sự Kiện Vi Phạm Bổ Sung:

[In addition to and without prejudice to the Events of Default set out in the GTA, the following events will each constitute an Event of Default: [●]]
[Cùng với và không làm ảnh hưởng đến các Sự Kiện Vi Phạm nêu trong TTVCĐKC, các sự kiện sau đây sẽ cấu thành Sự Kiện Vi Phạm: [●]]

k. Change of Control:

Thay Đổi Quyền Kiểm Soát:

[For the purpose of the GTA, "**Change of Control**" means [Name of Parent Company] ceases:
*[Để phục vụ mục đích của TTVCĐKC, "**Thay Đổi Quyền Kiểm Soát**" nghĩa là [Tên của công ty mẹ]không còn:*

(A) to hold, whether directly or indirectly, through any person beneficially:
nắm giữ, dù trực tiếp hay gián tiếp, thông qua bất kỳ người nào với quyền hưởng lợi:
I. [ ] per cent. of the issued share capital of the Customer;
[ ] phần trăm của vốn cổ phần đã phát hành của Bên Vay;
II. issued share capital having the right to cast [ ] per cent. of the votes capable of being cast in general meetings of the Customer; or
vốn cổ phần đã phát hành có quyền biểu quyết [ ] phần trăm số phiếu có quyền biểu quyết tại các cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Khách Hàng; hoặc
III. the right to determine the composition of the board of directors or equivalent body of the Customer; or
quyền quyết định thành phần hội đồng quản trị hoặc cơ quan tương đương của Khách Hàng; hoặc

(B) to have the power to manage or direct the Customer through ownership of share capital, by contract or otherwise.]
(B) có quyền quản lý hoặc chỉ đạo Khách Hàng thông qua quyền sở hữu vốn cổ phần, theo hợp đồng hoặc trên cơ sở khác.]

l. Renewals and Extensions:

Tái tục và gia hạn:

Any extension of the Facilities permitted by the Bank will be subject to, among other terms and conditions, (i) the Bank's satisfaction with the Customer's financial condition, results of operations and prospects; (ii) the absence of any adverse change in the money markets and capital markets since the date of this Facilities Agreement, and (iii) legal documentation containing terms and conditions satisfactory to the Bank in its sole and absolute discretion.

Việc gia hạn các Khoản Tín Dụng được Ngân Hàng cho phép sẽ phụ thuộc vào, ngoài các điều khoản và điều kiện khác, (i) việc Ngân Hàng thỏa mãn với tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Khách Hàng; (ii) không có bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong thị trường tiền tệ và thị trường vốn kể từ ngày ký Hợp Đồng Tín Dụng này, và (iii) văn bản pháp lý có các điều khoản và điều kiện thỏa mãn Ngân Hàng theo toàn quyền tùy nghi của riêng Ngân Hàng.

m. Business Day Definition:

Định nghĩa Ngày Làm Việc:

["**Business Day**" means any day (other than a Saturday or a Sunday) on which banks are open for business in Vietnam and (in relation to the calculation or computation of the Term SOFR Rate), any U.S. Government Securities Business Day.]

*["**Ngày Làm Việc**" nghĩa là bất kỳ ngày nào (trừ thứ Bảy hoặc Chủ Nhật) mà vào ngày đó ngân hàng mở cửa hoạt động tại Việt Nam và (liên quan đến việc tính hoặc tính toán Lãi Suất SOFR Kỳ Hạn), bất kỳ Ngày Làm Việc Chứng Khoán Chính Phủ Hoa Kỳ nào.][5]*

n. Relevant Jurisdiction:

Lãnh Thổ Tài Phán Liên Quan:

Vietnam

Việt Nam

o. Local Currency:

Đồng Tiền Trong Nước

Vietnamese dong, the lawful currency of Vietnam ("**VND**").

*Đồng Việt Nam, đồng tiền hợp pháp của Việt Nam ("**VND**").*

p. Local Benchmark Rate:

Lãi Suất Tham Chiếu Trong Nước

"**VNIBOR**" means, in relation to any Loan in VND:

*"**VNIBOR**" có nghĩa là, liên quan đến bất kỳ Khoản Vay nào bằng VND:*

(a) the Screen Rate as of the Specified Time on the Quotation Day and for a period equal in length to the Interest Period of that Loan; or if no Screen Rate is available for the Interest Period of that Loan, the Interpolated Screen Rate for that Loan; or

Lãi Suất Hiển Thị được áp dụng vào Thời Gian Đã Định vào Ngày Báo Giá và cho thời hạn dài bằng Kỳ Tính Lãi của Khoản Vay đó hoặc nếu không có Lãi Suất hiển Thị nào cho Kỳ Tính Lãi của Khoản Vay đó, Lãi Suất Hiển Thị Tuyến Tính cho Khoản Vay đó;

(b) If:

Nếu:

(i) no Screen Rate is available for the currency of that Loan; and

không có Lãi Suất Tham Chiếu cho đồng tiền của Khoản Vay đó; và

(ii) it is not possible to calculate an Interpolated Screen Rate for that Loan,

không thể tính Lãi Suất Hiển Thị Tuyến Tính cho Khoản Vay đó,

then the Alternative Rate shall apply to the relevant Loan, unless and until the Bank and the Customer shall mutually agree upon a substitute rate. If any such Screen Rate or Interpolated Screen Rate is below zero, VNIBOR will be deemed to be zero.

thì Lãi Suất Lựa Chọn sẽ áp dụng đối với Khoản Vay liên quan, trừ khi và cho đến khi Ngân Hàng và Khách Hàng cùng nhau thỏa thuận lãi suất thay thế. Nếu bất kỳ Lãi Suất Hiển Thị hoặc Lãi Suất Hiển Thị Tuyến Tính được áp dụng nào nêu trên nhỏ hơn 0, thì VNIBOR sẽ được xem là bằng 0;

q.	**Replacement Benchmark:** ***Tham Chiếu Thay T hế***	[*] *[*]*
r.	**Local Screen Rate:** ***Lãi Suất Hiển Thị Trong Nước***	["**Local Screen Rate"** means in relation to VNIBOR, the Vietnam interbank offered rate for the relevant currency and period displayed on page VNIBOR type Reuters code: VNIBOR of the Thomson Reuters screen (or any replacement page which displays that rate).] *["**Lãi Suất Hiển Thị Trong Nước"** có nghĩa là liên quan đến VNIBOR, lãi suất áp dụng liên ngân hàng cho đồng tiền và kỳ hạn liên quan được hiển thị trên trang VNIBOR cos loại mã Reuters: VNIBOR của Thomson Reuters (hoặc bất kỳ trang thay thế nào hiển thị lãi suất đó).]*
s.	**Specified Time in relation to the Local Benchmark Rate:** ***Thời Gian Đã Định liên quan tới Lãi Suất Tham Chiếu Trong Nước:***	[In relation to VNIBOR, as of 11:00 a.m. (Vietnam time).] [*Liên quan đến VNIBOR, kể từ 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam).]*
t.	**Process Agent:** ***Đại Diện Nhận Tống Đạt***	[_____] *[_____]*
u.	**Acknowledgment of the Customer:** ***Xác nhận của khách hàng:***	By signing below, the Customer acknowledges that the Customer has been provided with complete information in relation to the Facilites Agreement and the GTA by the Bank prior to entering into the Facilites Agreement and the GTA. The Customer has read, understood, and accepted the terms and conditions under the Facilites Agreement and the GTA. *Bằng việc ký kết dưới đây, Khách Hàng xác nhận rằng Khách hàng đã được Ngân Hàng cung cấp thông tin đầy đủ liên quan đến Hợp Đồng Tín Dụng và TTVCĐKC trước khi ký kết Hợp Đồng Tín Dụng và TTVCĐKC. Khách hàng đã đọc, hiểu và chấp nhận các điều khoản và điều kiện theo Hợp Đồng Tín Dụng và TTVCĐKC.*

This Facilities Agreement is made in English and in Vietnamese of the same validity. In the case of a conflict or inconsistency between the English and the Vietnamese, the English version shall prevail.
Hợp Đồng Tín Dụng này được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt với giá trị pháp lý ngang nhau. Trong trường hợp có mâu thuẫn hoặc không thống nhất giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Facilities Agreement is effective from the later of (i) the date the Bank executes this Facilities Agreement and (ii) the date on which the Bank receives a duplicate of this Facilities Agreement duly executed by the/each Customer and such other relevant documents from the/each Customer including but not limited to condition precedent documents required by the Bank ("**Effective Date**") until the date all payable amounts and obligations under this Facilities Agreement are fully repaid and satisfied, provided that the Effective Date must occur within ninety (90) calendar days from the date of this Facilities Agreement. For the avoidance of doubt, if the Effective Date does not occur within ninety (90) calendar days from the date of this Facilities Agreement, this Facilities Agreement shall be automatically terminated. By signing below, the/each

Customer acknowledges and agrees that, notwithstanding any provision to the contrary herein and the/each Customer's execution of this Facilities Agreement, the Bank will have sole and absolute discretion to decide whether or not it will execute this Facilities Agreement.
*Hợp Đồng Tín Dụng này có hiệu lực từ (i) ngày Ngân Hàng ký kết Hợp Đồng Tín Dụng này hoặc (ii) ngày mà Ngân Hàng nhận được bản Hợp Đồng Tín Dụng này được ký kết hợp lệ bởi (từng) Khách Hàng và các tài liệu có liên quan khác từ (từng) Khách Hàng, bao gồm nhưng không giới hạn ở các tài liệu là điều kiện tiên quyết được Ngân Hàng yêu cầu, tùy xem ngày nào đến sau ("**Ngày Hiệu Lực**"), cho đến ngày tất cả các khoản tiền phải trả và các nghĩa vụ theo Hợp Đồng Tín Dụng này được hoàn trả và đáp ứng đầy đủ, với điều kiện là Ngày Hiệu Lực phải xảy ra trong vòng chín mươi (90) ngày dương lịch kể từ ngày của Hợp Đồng Tín Dụng này. Để tránh hiểu nhầm, nếu Ngày Hiệu Lực không xảy ra trong vòng chín mươi (90) ngày dương lịch kể từ ngày của Hợp Đồng Tín Dụng này, Hợp Đồng Tín Dụng này sẽ tự động chấm dứt. Bằng việc ký kết dưới đây, (từng) Khách Hàng thừa nhận và đồng ý rằng, bất kể bất kỳ quy định nào khác đi trong Hợp Đồng Tín Dụng này và việc (từng) Khách Hàng ký kết Hợp Đồng Tín Dụng này, Ngân Hàng sẽ có toàn quyền duy nhất và tuyệt đối để quyết định rằng Ngân Hàng có ký kết Hợp Đồng Tín Dụng này hay không.*

FOR ADMINISTRATIVE USE / *CHO MỤC ĐÍCH HÀNH CHÍNH*

The GTA attached to this Facilities Agreement is enclosed with the following schedules (please tick the applicable box "☐"):

TTVCĐKC đính kèm Hợp Đồng Tín Dụng này được đi kèm với những phụ lục sau (tích vào ô "☐" liên quan):

☐ Reference Rate Schedule / *Phụ Lục Lãi Suất Tham Chiếu*

☐ Joint and Several Obligations Schedule / *Phụ Lục Các Nghĩa Vụ Liên Đới và Riêng Rẽ*

☐ Letter of Credit Facility Schedule / *Phụ Lục Khoản Tín Dụng Thư Tín Dụng*

☐ Standby Letter of Credit Facility / Bank Guarantee Facility Schedule / *Phụ Lục Thư Tín Dụng Dự Phòng / Phụ Lục Khoản Tín Dụng Bảo Lãnh Ngân Hàng*

☐ Shipping Guarantee Facility Schedule / *Phụ Lục Khoản Tín Dụng Bảo Lãnh Vận Chuyển*

☐ Pre-shipment Financing Facility Schedule / *Phụ Lục Khoản Tín Dụng Cấp Vốn Tiền Vận Chuyển*

☐ Discounting of Export Documentary Collection Facility Schedule / *Phụ Lục Khoản Tín Dụng Chiết Khấu Nhờ Thu Tài Liệu Xuất Khẩu*

☐ Export Letter of Credit Financing (With Recourse) Facility Schedule / *Phụ Lục Khoản Tín Dụng Cấp Vốn Thư Tín Dụng Xuất Khẩu (Có Truy Đòi)*

☐ [Overdraft Facility Schedule] / [*Phụ Lục Khoản Tín Dụng Thấu Chi]*

☐ [Short Term Credit Facility Schedule] / [*Phụ Lục Khoản Tín Dụng Ngắn Hạn]*

☐ Third Party Issuance of Undertaking Schedule / *[Phụ Lục Cam Kết Phát Hành Bởi Bên Thứ Ba]*

For and on behalf of
JPMorgan Chase Bank, N.A., acting through its Ho Chi Minh Branch
Đại diện và thay mặt
Ngân Hàng JPMorgan Chase, N.A., hành động thông qua Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

By: _____
Name/*Họ tên*:
Title/C*hức danh*:
Address/*Địa chỉ*:
Fax/*Số fax*:
Email:
Attention/*Người nhận*:

We agree to the terms and conditions of this Facilities Agreement and the GTA and acknowledge that we are bound by the terms and conditions thereof.

Chúng tôi đồng ý với các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Tín Dụng này và TTVCĐKC và thừa nhận rằng chúng tôi bị ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện tại đó

For and on behalf of
[INSERT CUSTOMER NAME]
[Đại diện và thay mặt
[ĐIỀN TÊN BÊN VAY][6]

By: _____
Name/*Họ tên*:
Title/C*hức danh*:
Address/*Địa chỉ*:
Fax/*Số fax*:
Email:
Attention/*Người nhận*:
Date/*Ngày*:

[For and on behalf of
[INSERT CUSTOMER NAME]
[Đại diện và thay mặt
[ĐIỀN TÊN BÊN VAY][7]

By: _____
Name/*Họ tên*:
Title/C*hức danh*:
Address/*Địa chỉ*:
Fax/*Số fax*:
Email:
Attention/*Người nhận*:
Date/*Ngày*::]

ANNEXURE A
PHỤ LỤC A
(THE FACILITIES)
(CÁC KHOẢN TÍN DỤNG)

1. Letter of Credit ("L/C") Facility ***Khoản Tín Dụng Thư Tín Dụng ("L/C")***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Kỳ Hạn:***	No longer than [ ] months. *Không quá [ ] tháng.*
LC Issuance Commission: ***Phí Phát Hành LC:***	[ ] per annum payable in a lump-sum on the date of issuance of the LC on the maximum actual and contingent liability of the Bank under the LC. *[ ] một năm được thanh toán một lần vào ngày phát hành LC tính trên nghĩa vụ thực tế và tiềm tàng của Ngân Hàng theo LC.*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
2. Standby Letter of Credit ("SBLC") Facility ***Khoản Tín Dụng Thư Tín Dụng Dự Phòng ("TTDDP")***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Kỳ Hạn:***	No longer than [ ] months. *Không quá [ ] tháng.*
Guaranteed obligation : ***Nghĩa vụ được bảo lãnh[8]:***	[]
Form of SBLC Issuance: ***Hình thức phát hành TTDDP***	Letter of guarantee / *Thư bảo lãnh*
Condition for claim: ***Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:***	Bank's receipt of claim form in accordance with the SBLC / *Khi Ngân Hàng nhận được yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo TTDDP*
SBLC Issuance Commission:	[ ] per annum payable in a lump-sum on the date of issuance of the SBLC on the maximum actual and contingent liability of the Bank under the SBLC.

Phí phát hành TTDDP:	*[ ] một năm được thanh toán một lần vào ngày phát hành TTDDP tính trên nghĩa vụ thực tế và tiềm tàng của Ngân Hàng theo TTDDP.*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
3. Bank Guarantee ("BG") Facility ***Khoản Tín Dụng Bảo Lãnh Ngân Hàng ("BLNH")***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Kỳ Hạn:***	No longer than [ ] months. *Không quá [ ] tháng.*
Guaranteed obligation : ***Nghĩa vụ được bảo lãnh[9]:***	[]
Form of BG Issuance: ***Hình thức phát hành BLNH***	Letter of guarantee / *Thư bảo lãnh*
Condition for claim: ***Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:***	Bank's receipt of claim form in accordance with the BG / *Khi Ngân Hàng nhận được yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo BLNH*
BG Issuance Commission: ***Phí phát hành BLNH:***	[ ] per annum payable in a lump-sum on the date of issuance of the BG on the maximum actual and contingent liability of the Bank under the BG. *[ ] một năm được thanh toán một lần vào ngày phát hành BLNH tính trên nghĩa vụ thực tế và tiềm tàng của Ngân Hàng theo BLNH.*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
4. Shipping Guarantee ("SG") Facility ***Khoản Tín Dụng Bảo Lãnh Vận Chuyển ("BLVC")***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Kỳ Hạn:***	No longer than [ ] months. *Không quá [ ] tháng.*

Guaranteed obligation : ***Nghĩa vụ được bảo lãnh[10]:***	[]
Form of SG Issuance: ***Hình thức phát hành BLVC***	Letter of guarantee / *Thư bảo lãnh*
Condition for claim: ***Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:***	Bank's receipt of claim form in accordance with the SG / *Khi Ngân Hàng nhận được yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo BLVC*
SG Issuance Commission: ***Phí phát hành BLVC:***	[ ] per annum payable in a lump-sum on the date of issuance of the SG on the maximum actual and contingent liability of the Bank under the SG. *[ ] một năm được thanh toán một lần vào ngày phát hành BLVC tính trên nghĩa vụ thực tế và tiềm tàng của Ngân Hàng theo BLVC.*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
5. Pre-shipment Financing Facility ***Khoản Tín Dụng Cấp Vốn Tiền Vận Chuyển***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Lending method: ***Phương thức cho vay:***	Lending by way of credit limit / *Cho vay theo hạn mức tín dụng*
The period for maintaining the limit of the Facilities ***Thời hạn duy trì hạn mức của các Khoản Tín Dụng***	The period for maintaining the limit of the Facilities is one (01) year commencing from the Effective Date, and, subject to the Bank's discretion, is automatically annually renewed without the need to sign a new agreement, unless otherwise notified by the Bank in writing. / *Thời hạn duy trì hạn mức của Khoản Tín Dụng là một (01) năm kể từ Ngày Hiệu Lực, và, còn phụ thuộc vào quyền quyết định của Ngân Hàng, được tự động gia hạn hàng năm mà không cần phải ký hợp đồng mới, trừ trường hợp Ngân Hàng thông báo khác đi bằng văn bản.*
Purpose: ***Mục đích:***	Import and export or domestic trade financing purposes / *Các mục đích cấp vốn thương mại xuất nhập khẩu hoặc nội địa*
Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Thời hạn:***	No longer than [ ] months from the date immediately following the date of drawdown[, provided it does not exceed the Final Maturity Date]. *Không quá [ ] tháng kể từ ngày liền sau ngày rút vốn[, với điều kiện là không vượt quá Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng].*
Interest Rate: ***Lãi suất:***	[[ ] per annum./ Such interest rate as mutually agreed between the Bank and the Customer and specified in the Request.] *[ ] theo năm./Lãi suất như đã thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng và được nêu rõ trong Yêu cầu*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
Special Conditions: ***Các điều kiện đặc biệt***	1. Each Request must be accompanied by a sales contract, purchase order, or letter of credit or as additionally specified by the Bank from time to time.

	Mỗi Yêu cầu phải được đi kèm hợp đồng mua bán, đơn đặt mua, hoặc thư tín dụng hoặc như được Ngân Hàng quy định thêm tùy từng thời điểm. 2. The Customer shall also submit such additional documentation as required by the Bank from time to time, e.g. specific location of loan usage in mainland China whenever applicable. *Khách Hàng cũng phải nộp các tài liệu bổ sung như được Ngân Hàng yêu cầu tùy từng thời điểm, ví dụ địa điểm chính xác nơi khoản vay được sử dụng ở Trung Quốc khi áp dụng.*
Bank Charges or Fees: ***Phí hoặc lệ phí ngân hàng:***	[ ]/[Not applicable] *[ ]/[Không áp dụng]*
6. Trade Receivables Financing Facility ***Khoản Tín Dụng Cấp Vốn Khoản Phải Thu Thương Mại***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Lending method: ***Phương thức cho vay:***	Lending by way of credit limit / *Cho vay theo hạn mức tín dụng*
The period for maintaining the limit of the Facilities ***Thời hạn duy trì hạn mức của các Khoản Tín Dụng***	The period for maintaining the limit of the Facilities is one (01) year commencing from the Effective Date, and, subject to the Bank's discretion, is automatically annually renewed without the need to sign a new agreement, unless otherwise notified by the Bank in writing. / *Thời hạn duy trì hạn mức của Khoản Tín Dụng là một (01) năm kể từ Ngày Hiệu Lực, và, còn phụ thuộc vào quyền quyết định của Ngân Hàng, được tự động gia hạn hàng năm mà không cần phải ký hợp đồng mới, trừ trường hợp Ngân Hàng thông báo khác đi bằng văn bản.*
Purpose: ***Mục đích:***	Import and export trade financing purposes / *Các mục đích cấp vốn xuất nhập khẩu thương mại*
Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Thời hạn:***	No longer than [ ] months from the date immediately following the date of drawdown[, provided it does not exceed the Final Maturity Date]. *Không quá [ ] tháng kể từ ngày liền sau ngày rút vốn[, với điều kiện là không vượt quá Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng].*
Interest Rate: ***Lãi suất:***	[[ ] per annum./ Such interest rate as mutually agreed between the Bank and the Customer and specified in the Request.] *[ ] theo năm../Lãi suất như đã thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng và được nêu rõ trong Yêu cầu*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
Special Conditions: ***Các điều kiện đặc biệt:***	1. The Customer shall submit copies of commercial invoices and/or proof of shipment documents for each Request delivered by it. *Khách Hàng phải nộp bản sao các hóa đơn thương mại và/hoặc bằng chứng của tài liệu vận chuyển cho mỗi Yêu cầu Khách Hàng chuyển giao.* 2. The Customer shall also submit such additional documentation as required by the Bank from time to time, e.g. specific location of loan usage in mainland China whenever applicable. *Khách Hàng cũng phải nộp các tài liệu bổ sung như được Ngân Hàng yêu cầu tùy từng thời điểm, ví dụ địa điểm chính xác nơi khoản vay được sử dụng ở Trung Quốc khi áp dụng.* 3. The Customer agrees that the Bank will be able to debit the Customer's account held with the Bank for funds due at maturity. *Khách Hàng đồng ý rằng Ngân Hàng được quyền ghi nợ tài khoản của Khách Hàng mở tại Ngân Hàng đối với số tiền đến hạn khi đến hạn.*

Bank Charges or Fees: ***Phí hoặc lệ phí ngân hàng:***	[ ]/[Not applicable] *[ ]/[Không áp dụng]*
7. Discounting of Export Documentary Collection Facility ***Khoản Tín Dụng Chiết Khấu Nhờ Thu Tài Liệu Xuất Khẩu***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Lending method: ***Phương thức cho vay:***	Lending by way of credit limit / *Cho vay theo hạn mức tín dụng*
The period for maintaining the limit of the Facilities ***Thời hạn duy trì hạn mức của các Khoản Tín Dụng***	The period for maintaining the limit of the Facilities is one (01) year commencing from the Effective Date, and, subject to the Bank's discretion, is automatically annually renewed without the need to sign a new agreement, unless otherwise notified by the Bank in writing. / *Thời hạn duy trì hạn mức của Khoản Tín Dụng là một (01) năm kể từ Ngày Hiệu Lực, và, còn phụ thuộc vào quyền quyết định của Ngân Hàng, được tự động gia hạn hàng năm mà không cần phải ký hợp đồng mới, trừ trường hợp Ngân Hàng thông báo khác đi bằng văn bản.*
Purpose: ***Mục đích:***	Import and export trade financing purposes / *Các mục đích cấp vốn xuất nhập khẩu thương mại*
Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Thời hạn:***	No longer than [ ] months from the date immediately following the date of drawdown[, provided it does not exceed the Final Maturity Date]. *Không quá [ ] tháng kể từ ngày liền sau ngày rút vốn[, với điều kiện là không vượt quá Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng].*
Interest Rate: ***Lãi suất:***	[[ ] per annum./ Such interest rate as mutually agreed between the Bank and the Customer and specified in the Request.] *[ ] theo năm../Lãi suất như đã thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng và được nêu rõ trong Yêu cầu*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
Bank Charges or Fees: ***Phí hoặc lệ phí ngân hàng:***	[ ]/[Not applicable] *[ ]/[Không áp dụng]*
8. Trade Payables Financing Facility ***Khoản Tín Dụng Cấp Vốn Khoản Phải Trả Thương Mại***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	Lending by way of credit limit / *Cho vay theo hạn mức tín dụng*
Currency: ***Loại tiền:***	["Term / Tenor" specified in the relevant Request] / *["Thời Hạn/Kỳ Hạn được ghi tại Đề Nghị có liên quan]*
Lending method: ***Phương thức cho vay:***	Lending by way of credit limit / *Cho vay theo hạn mức tín dụng*
The period for maintaining the limit of the Facilities ***Thời hạn duy trì hạn mức của các Khoản Tín Dụng***	The period for maintaining the limit of the Facilities is one (01) year commencing from the Effective Date, and, subject to the Bank's discretion, is automatically annually renewed without the need to sign a new agreement, unless otherwise notified by the Bank in writing. / *Thời hạn duy trì hạn mức của Khoản Tín Dụng là một (01) năm kể từ Ngày Hiệu Lực, và, còn phụ thuộc vào quyền*

	quyết định của Ngân Hàng, được tự động gia hạn hàng năm mà không cần phải ký hợp đồng mới, trừ trường hợp Ngân Hàng thông báo khác đi bằng văn bản.
Purpose: ***Mục đích:***	Import and export or domestic trade financing purposes / *Các mục đích cấp vốn thương mại xuất nhập khẩu hoặc nội địa*
Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Thời hạn:***	No longer than [ ] months from the date immediately following the date of drawdown[, provided it does not exceed the Final Maturity Date]. *Không quá [ ] tháng kể từ ngày liền sau ngày rút vốn[, với điều kiện là không vượt quá Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng].*
Interest Rate: ***Lãi suất:***	[[ ] per annum./ Such interest rate as mutually agreed between the Bank and the Customer and specified in the Request.] *[ ] theo năm../Lãi suất như đã thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng và được nêu rõ trong Yêu cầu*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
Special Conditions: ***Các điều kiện đặc biệt:***	1. The Customer shall submit copies of commercial invoices and or proof of shipment documents for each Request delivered by it. *Khách Hàng phải nộp bản sao các hóa đơng thương mại và/hoặc bằng chứng của tài liệu vận chuyển cho mỗi Yêu cầu Khách Hàng chuyển giao.* 2. The Customer shall also submit such additional documentation as required by the Bank from time to time, e.g. specific address of the approved suppliers in mainland China, whenever applicable. *Khách Hàng cũng phải nộp các tài liệu bổ sung như được Ngân Hàng yêu cầu tùy từng thời điểm, ví dụ địa điểm chính xác của bên cung cấp được chấp thuận ở Trung Quốc khi áp dụng.* 3. Finance proceeds of a loan shall be paid directly to the approved suppliers of the Customer. *Số tiền tài chính cuỷa một khoản vay sẽ được trả trực tiếp cho bên cung cấp được chấp thuận của Khách Hàng.*
Bank Charges or Fees: ***Phí hoặc lệ phí ngân hàng:***	[ ]/[Not applicable] *[ ]/[Không áp dụng]*
9. Export Letter of Credit Financing (with recourse) Facility ***Khoản Tín Dụng Cấp Vốn Thư Tín Dụng Xuất Khẩu (có truy đòi)***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Lending method: ***Phương thức cho vay:***	Lending by way of credit limit / *Cho vay theo hạn mức tín dụng*
The period for maintaining the limit of the Facilities ***Thời hạn duy trì hạn mức của các Khoản Tín Dụng***	The period for maintaining the limit of the Facilities is one (01) year commencing from the Effective Date, and, subject to the Bank's discretion, is automatically annually renewed without the need to sign a new agreement, unless otherwise notified by the Bank in writing. / *Thời hạn duy trì hạn mức của Khoản Tín Dụng là một (01) năm kể từ Ngày Hiệu Lực, và, còn phụ thuộc vào quyền quyết định của Ngân Hàng, được tự động gia hạn hàng năm mà không cần phải ký hợp đồng mới, trừ trường hợp Ngân Hàng thông báo khác đi bằng văn bản.*

Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Thời hạn:***	No longer than [ ] months from the date immediately following the date of drawdown. / *Không quá [ ] tháng kể từ ngày liền sau ngày rút vốn*
Interest Rate: ***Lãi suất:***	[Please refer to the relevant Application Document.]/[ ] per annum. [*Vui lòng xem Tài Liệu Đăng Ký có liên quan/[ ] một năm.*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
Bank Charges or Fees: ***Phí hoặc lệ phí ngân hàng:***	[ ]/[Not applicable] *[ ]/[Không áp dụng]*
10. Trade Payables Advance (Trust Receipt) Facility ***Khoản Tín Dụng Ứng Trước Khoản Phải Trả Thương Mại (Biên Nhận Tín Thác)***	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Lending method: ***Phương thức cho vay:***	Lending by way of credit limit / *Cho vay theo hạn mức tín dụng*
The period for maintaining the limit of the Facilities ***Thời hạn duy trì hạn mức của các Khoản Tín Dụng***	The period for maintaining the limit of the Facilities is one (01) year commencing from the Effective Date, and, subject to the Bank's discretion, is automatically annually renewed without the need to sign a new agreement, unless otherwise notified by the Bank in writing. / *Thời hạn duy trì hạn mức của Khoản Tín Dụng là một (01) năm kể từ Ngày Hiệu Lực, và, còn phụ thuộc vào quyền quyết định của Ngân Hàng, được tự động gia hạn hàng năm mà không cần phải ký hợp đồng mới, trừ trường hợp Ngân Hàng thông báo khác đi bằng văn bản.*
Availability Period: ***Thời Hạn Giải Ngân***	[The period from and including the Effective Date to and including the date falling [ ] months] after the Effective Date.]/[The period from and including the Effective Date to and including the date falling one month before the Final Maturity Date.] *[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào [ ] tháng] sau Ngày Hiệu Lực]/[Thời hạn kể từ và bao gồm Ngày Hiệu Lực cho đến và bao gồm ngày rơi vào một tháng trước Ngày Đáo Hạn Cuối Cùng.]*
Tenor: ***Thời hạn:***	No longer than [ ] months from the date immediately following the date of drawdown. / *Không quá [ ] tháng kể từ ngày liền sau ngày rút vốn*
Interest Rate: ***Lãi suất:***	[Please refer to the relevant Application Document.]/[ ] per annum. [*Vui lòng xem Tài Liệu Đăng Ký có liên quan/[ ] một năm.*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[*]% per annum over the Bank's cost of funding from whatever source the Bank may elect from time to time. *[*]% một năm tính trên chi phí cấp vốn của Ngân Hàng từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng có thể chọn tùy từng thời điểm.*
Bank Charges or Fees: ***Phí hoặc lệ phí ngân hàng:***	[ ]/[Not applicable] *[ ]/[Không áp dụng]*
11. Overdraft Facility ("OD") ***Khoản Tín Dụng Thấu Chi ("KTDTC")***	
Applicable Facility Specific Terms:	Overdraft Facility Specific Terms as set out in the GTA. / *Các Điều Khoản Cụ Thể Áp Dụng cho Khoản Tín Dụng Thấu Chi như quy định tại TTVCĐKC.*

Các điều khoản áp dụng cụ thể cho khoản tín dụng:	
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	VND
Currency: ***Loại tiền:***	VND
Lending method: ***Phương thức cho vay:***	Lending by way of credit limit and overdraft facility / *Cho vay theo hạn mức tín dụng và khoản tín dụng thấu chi*
The period for maintaining the limit of the Facilities ***Thời hạn duy trì hạn mức của các Khoản Tín Dụng***	The period for maintaining the limit of the Facilities is one (01) year commencing from the Effective Date, and, subject to the Bank's discretion, is automatically annually renewed without the need to sign a new agreement, unless otherwise notified by the Bank in writing. / *Thời hạn duy trì hạn mức của Khoản Tín Dụng là một (01) năm kể từ Ngày Hiệu Lực, và, còn phụ thuộc vào quyền quyết định của Ngân Hàng, được tự động gia hạn hàng năm mà không cần phải ký hợp đồng mới, trừ trường hợp Ngân Hàng thông báo khác đi bằng văn bản.*
Tenor: ***Thời hạn:***	No longer than [] months from the date immediately following the date of drawdown / *Không quá [ ] tháng kể từ ngày liền sau ngày rút vốn*
Overdraft Interest Rate: ***Lãi Suất Thấu Chi:***	[ ] or such other rate as the Bank may notify the Customer in writing from time to time. *[ ] hoặc một lãi suất khác mà Ngân Hàng có thể thông báo bằng văn bản tới Khách Hàng tùy từng thời điểm*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm:***	[ ] ***[ ]***
Payment of Interest: ***Thanh Toán Tiền Lãi:***	Monthly in arrears / *Trả sau hàng tháng*
Bank Charges or Fees: ***Phí hoặc lệ phí ngân hàng:***	[ ]/[Not applicable] *[ ]/[Không áp dụng]*
Clean down: ***Hoàn trả toàn bộ thấu chi:***	[State whether or not applicable and, if applicable, frequency and length of time to maintain zero balance:][If Applicable – at least once every [●] [days]/[months] [and at least for [●] consecutive Business Days]]/[Not applicable] *[Ghi có áp dụng hay không và, nếu áp dụng, tần suất và thời hạn duy trì số dư là 0:][Nếu áp dụng - Ít nhất một lần mỗi [●] [ngày] / [tháng] [và ít nhất trong [●] Ngày Làm Việc liên tục]*
12. Short Term Credit Facility ("SCF") ***Khoản Tín Dụng Ngắn Hạn ("KTDNH")***	
Applicable Facility Specific Terms: ***Các điều khoản áp dụng cụ thể cho khoản tín dụng:***	Short Term Credit Facility Specific Terms as set out in the GTA. / *Các Điều Khoản Cụ Thể Áp Dụng cho Khoản Tín Dụng Ngắn Hạn như quy định tại TTVCĐKC.*
Sub-Limit: ***Giới hạn phụ:***	[VND]/[USD]
Currency: ***Loại tiền:***	[VND]/[USD]
Lending method: ***Phương thức cho vay:***	Lending by way of credit limit for short term credit facility / *Cho vay theo hạn mức tín dụng cho khoản tín dụng ngắn hạn*
The period for maintaining the limit of the Facilities ***Thời hạn duy trì hạn mức của các Khoản Tín Dụng***	The period for maintaining the limit of the Facilities is one (01) year commencing from the Effective Date, and, subject to the Bank's discretion, is automatically annually renewed without the need to sign a new agreement, unless otherwise notified by the Bank in writing. / *Thời hạn duy trì hạn mức của Khoản Tín Dụng là một (01) năm kể từ Ngày Hiệu Lực, và, còn phụ thuộc vào quyền quyết định của Ngân Hàng, được tự động gia hạn hàng năm mà không cần phải ký hợp đồng mới, trừ trường hợp Ngân Hàng thông báo khác đi bằng văn bản.*

<table>
<tr><td>Purpose:

Mục đích:</td><td>The Facility will be granted to the Customer for its general working capital and any specific purpose set out in [the Request] / Khoản Tín Dụng sẽ được cấp cho Khách Hàng để làm vốn lưu động nói chung và cho bất kỳ mục đích cụ thể nào nêu trong [Đề Nghị]</td></tr>
<tr><td>Availability Period:

Thời Hạn Giải Ngân</td><td>Availability Period is from and including the date on which the Bank receives a duly executed duplicate of this Facilities Agreement and such other relevant documents from the Customer including but not limited to condition precedent documents required by the Bank or such other date as may be agreed to by the Bank to and including the date falling 1 (one) year thereafter. The Availability Period may be extended at the Bank's discretion for each successive period of one year (or such other period as the Bank may determine) upon the Bank issuing a notice substantially in the form set out in Annexure D (Form of Notice of Extension of Availability Period) to this effect to the Customer. The Customer agrees that the availability of any or all the Facilities could be cancelled or terminated by a notice from the Bank

Thời Hạn Giải Ngân là thời hạn kể từ và bao gồm ngày mà Ngân Hàng nhận được bản ký hợp lệ của Hợp Đồng Tín Dụng này và các tài liệu liên quan khác từ Khách Hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở các tài liệu thuộc điều kiện tiên quyết mà Ngân Hàng yêu cầu hoặc ngày khác có thể được Ngân Hàng đồng ý cho đến và bao gồm ngày rơi vào 1 (một) năm sau đó. Thời Hạn Giải Ngân có thể được kéo dài theo quyền tùy nghi của Ngân Hàng cho từng kỳ hạn một năm tiếp theo (hoặc thời hạn khác mà Ngân Hàng có thể quyết định) sau khi Ngân Hàng đưa ra thông báo về cơ bản có hình thức quy định tại Phụ Lục D (Mẫu Thông Báo Kéo Dài Thời Hạn Giải Ngân) về vấn đề này cho Khách Hàng. Khách Hàng đồng ý rằng khả năng giải ngân của bất kỳ hoặc tất cả Khoản Tín Dụng có thể bị hủy bỏ hoặc chấm dứt bằng thông báo từ Ngân Hàng.</td></tr>
<tr><td>Tenor:

Thời hạn:</td><td>No longer than [ ] months from the date immediately following the date of drawdown but not exceeding the Maximum Loan Term. / Không quá [ ] tháng kể từ ngày liền sau ngày rút vốn và không vượt quá Thời Hạn Khoản Vay Tối Đa.</td></tr>
<tr><td>Amount of each drawing:

Số tiền của từng lần rút vốn:</td><td>Minimum amount of [VND]/[USD] [ ] and an integral multiple of [VND]/[USD] [ ].

Số tiền tối thiểu là [ ] [VND]/[USD] và là bội số nguyên của [ ] [VND]/[USD].</td></tr>
<tr><td>Interest Rate:

Lãi suất:</td><td>(a) [In relation to a Loan in VND, [ ] basis points over VNIBOR / [Đối với một Khoản Vay bằng VND, [ ] [điểm cơ bản cộng với VNIBOR

(b) [In relation to a Loan in USD, the aggregate of the applicable Baseline CAS, [ ] basis points and Term SOFR / [Đối với một Khoản Vay bằng USD, tổng gộp của CAS Cơ Bản được áp dụng, [ ] điểm cơ bản và SOFR Kỳ Hạn]

If the aggregate of Term SOFR and the applicable Baseline CAS (if any) is less than zero, Term SOFR shall be deemed to be such a rate that the aggregate of Term SOFR and the applicable Baseline CAS is zero. / Nếu tổng của SOFR Kỳ Hạn và CAS Cơ Bản được áp dụng (nếu có) nhỏ hơn không, SOFR Kỳ Hạn sẽ được coi như là một lãi suất để cho tổng của SOFR Kỳ Hạn và CAS Cơ Bản được áp dụng là không.]</td></tr>
<tr><td>[Baseline CAS:]

[CAS Cơ Bản:]</td><td>[For Loans denominated in USD:] / [Cho các Khoản Vay bằng USD:]

<table><tr><th>Length of Interest Period
Thời hạn của Kỳ Tính Lãi</th><th>Applicable Baseline CAS
CAS Cơ Bản được áp dụng</th></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>
[For Loans denominated in USD: [10]bps] / [Cho các Khoản Vay bằng USD: [10] điểm cơ bản]</td></tr>
<tr><td>Interest Period:

Kỳ Tính Lãi</td><td>One (1) or three (3) months, to be specified in each relevant Request for each Loan, and subject to a notice substantially in the form set out in Annexure E (Form of Interest Period Notice) submitted by the Customer from time to time and accepted by the Bank. / Một (1) hoặc ba (3) tháng, sẽ được nêu cụ thể trong từng Đề Nghị liên quan, và còn tùy thuộc vào một thông báo về cơ bản có hình thức như quy định tại Phụ Lục E (Mẫu Thông Báo Kỳ Tính Lãi) mà Khách Hàng gửi tùy từng thời điểm, và được Ngân Hàng chấp nhận.

Interest Period starts on the drawdown date and ends on the date immediately prior to the Due Date. / Kỳ Tính Lãi bắt đầu vào ngày giải ngân và kết thúc vào ngày ngay trước Ngày Đến Hạn.</td></tr>
</table>

Amount of each prepayment: ***Số tiền của từng khoản thanh toán trước hạn:***	Minimum amount of [VND]/[USD] [ ] and an integral multiple of [VND]/[USD] [ ]. *Số tiền tối thiểu là [ ] [VND]/[USD] và là bội số nguyên của [ ] [VND]/[USD].*
Default Interest Rate: ***Lãi Suất Vi Phạm***	[ ] per cent. per annum above the Interest Rate applicable to the SCF *[ ] phần trăm/năm tính trên Lãi Suất áp dụng đối với KTDNH*
Default interest rate for overdue interest amount: ***Lãi suất vi phạm đối với tiền lãi quá hạn***	10% per annum calculated over the outstanding overdue interest amount, or at such other rates as may be determined by the Bank for such periods as the Bank may from time to time select, but in any event, not exceeding the maximum rate (if any) permitted under the laws of Vietnam. 10% mỗi năm được tính trên tiền lãi quá hạn hoặc mức lãi suất khác mà Ngân Hàng có thể quyết định cho các khoảng thời gian mà Ngân Hàng có thể chọn trong từng thời kỳ, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào cũng không vượt quá lãi suất tối đa (nếu có) được cho phép theo pháp luật Việt Nam.
Bank Charges or Fees: ***Phí hoặc lệ phí ngân hàng:***	[ ]/[Not applicable] *[ ]/[Không áp dụng]*

ANNEXURE B
PHỤ LỤC B
(CONDITIONS PRECEDENT)
(CÁC ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT)

1. The original set of Facility Documents, duly executed by the parties to it, namely (i) the Facilities Agreement (together with the GTA); (ii) [the Application Document(s) (where applicable); and] and each security document or guarantee required by the Bank (where applicable) on terms and in the form prescribed by or satisfactory to the Bank.
Bộ gốc các Tài Liệu Tín Dụng, được các bên trong đó ký kết hợp lệ, cụ thể là (i) Hợp Đồng Tín Dụng (cùng với TTVCĐKC) (ii) [(các) Tài Liệu Đăng Ký (nếu áp dụng); và]; và từng văn kiện bảo đảm hoặc bảo lãnh mà Ngân Hàng yêu cầu (trong trường hợp được áp dụng) trên cơ sở các điều khoản và có hình thức do Ngân Hàng quy định hoặc Ngân Hàng xét thấy thỏa đáng.

2. A certified true copy of the constitutional documents of each Obligor.
Bản sao y có chứng thực của từng tài liệu thành lập của từng Bên Có Nghĩa Vụ.

3. The original resolution (or certified true copy or, as the case may be, certified extract) of the [board of directors/members' council/board of management/general meeting of shareholder/President and owner] (if required by the constitutional document of the Obligor) of each Obligor approving the terms of, and the transactions contemplated by, the Facility Documents to which it is a party and resolving that it is authorised to execute those Facility Documents; authorising a specified person or persons to execute the Facility Documents to which it is a party on its behalf; and authorising a specified person or persons, on its behalf, to sign and/or dispatch all documents and notices to be signed and/or dispatched by it under or in connection with the Facility Documents to which it is a party; and in the case of a Credit Support Provider (if any), resolving that it is in its best interests to enter into the transactions contemplated by the Facility Documents to which it is a party, giving reasons.
Bản gốc nghị quyết (hoặc bản sao y có chứng thực hoặc, tùy từng trường hợp, bản trích lục có chứng thực) của [ban giám đốc/hội đồng thành viên/hội đồng quản trị/đại hội đồng cổ đông/Chủ Tịch và chủ sở hữu] (nếu được quy định theo tài liệu thành lập của Bên Có Nghĩa Vụ)[15] của từng Bên Có Nghĩa Vụ chấp thuận các điều khoản của, và các giao dịch được dự tính theo, các Tài Liệu Tín Dụng mà Bên Có Nghĩa Vụ là một bên trong đó và quyết nghị rằng Bên Có Nghĩa Vụ được ủy quyền ký kết các Tài Liệu Tín Dụng đó; ủy quyền cho (những) người cụ thể thay mặt Bên Có Nghĩa Vụ ký kết các Tài Liệu Tín Dụng mà Bên Có Nghĩa Vụ là một bên trong đó; và ủy quyền (những) người cụ thể thay mặt Bên Có Nghĩa Vụ ký và/hoặc giao tất cả tài liệu và thông báo sẽ được Bên Có Nghĩa Vụ ký và/hoặc giao theo hoặc liên quan đến các Tài Liệu Tín Dụng mà Bên Có Nghĩa Vụ là một bên trong đó; và trong trường hợp của Bên Cung Cấp Hỗ Trợ Tín Dụng (nếu có), quyết nghị rằng đó là vì lợi ích tốt nhất của Bên Bảo Lãnh khi tiến hành các giao dịch được dự tính theo các Tài Liệu Tín Dụng mà Bên Bảo Lãnh là một bên, nêu rõ lý do.[16]

4. The original specimen of the signature of each person authorised by the resolution referred to in paragraph 3 above.
Bản gốc chữ ký mẫu của từng người được ủy quyền theo nghị quyết nêu tại đoạn 3 ở trên.

5. Completion of all "know your customer" or other similar checks satisfactory to the Bank.
Hoàn tất mọi quy trình "biết rõ về khách hàng của bạn" hoặc các kiểm tra tương tự khác mà Ngân Hàng thấy thỏa đáng.

6. Evidence that all fees, costs and expenses then due from the Customer have been paid or will be paid before the proposed date of the first utilisation.
Bằng chứng chứng minh rằng tất cả các khoản phí, chi phí và phí tổn đến hạn mà Khách Hàng phải trả đều đã được thanh toán hoặc sẽ được thanh toán trước ngày dự kiến giải ngân đầu tiên.

7. The original or certified true copies of any other Authorisations or such other information and/or documents that the Bank may reasonably consider to be relevant and/or request from the Customer.
Bản gốc hoặc bản sao y có chứng thực của bất kỳ Sự Cho Phép nào khác hoặc thông tin và/hoặc tài liệu khác mà Ngân Hàng có thể xét thấy hợp lý là có liên quan và/hoặc yêu cầu từ Khách Hàng.

8. [Evidence of acceptance of process agent appointment for the Customer/each Obligor not having its place of incorporation or principal place of business in Vietnam.]
[Bằng chứng về việc đã chấp nhận việc chỉ định đại diện nhận tống đạt cho Khách Hàng/mỗi Bên Có Nghĩa Vụ mà không có nơi thành lập hoặc địa điểm kinh doanh chính tại Việt Nam.]

ANNEXURE C
PHỤ LỤC C
(FORM OF REQUEST)
(MẪU ĐỀ NGHỊ)

To: JPMorgan Chase Bank, N.A., acting through its Ho Chi Minh Branch (the "**Bank**")
*Kính gửi: Ngân Hàng JPMorgan Chase, N.A., hành động thông qua Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("**Ngân Hàng**")*

From: *[Name of the Customer, or, in case of multiple Customers, of the Customer requesting the Loan]*
Bên gửi: [Tên của Khách Hàng, hoặc, trong trường hợp có nhiều Khách Hàng, thì Khách Hàng đề nghị Khoản Vay]

Dated:
Ngày: ___ tháng ___ năm _____

Dear Sirs
Thưa quý Ngân Hàng

Uncommitted Banking Facilities
dated [ ] between the Bank[, [ ] and [ ] as customers]/[and [ ] as customer]
(as amended from time to time, the "Facilities Agreement")
Các Khoản Tín Dụng Ngân Hàng Không Cam Kết
đề ngày ___ tháng ___ năm _____ giữa Ngân Hàng[, và [ ] và [ ] với tư cách là khách hàng]/[và [ ] với tư cách là khách hàng]
(có thể được thay đổi tùy từng thời điểm, và được gọi là "Hợp Đồng Tín Dụng")

1. We refer to the Facilities Agreement and the GTA. This is a Request. Terms defined in the Facilities Agreement shall have the same meaning in this Request unless given a different meaning in this Request.

   Chúng tôi dẫn chiếu đến Hợp Đồng Tín Dụng và TTVCĐKC. Các điều khoản định nghĩa trong Hợp Đồng Tín Dụng có ý nghĩa giống như trong Đề Nghị này trừ khi được đưa ra ý nghĩa khác trong Đề Nghị này.

2. We wish to borrow a Loan on the following terms:

   Chúng tôi muốn vay Khoản Vay trên cơ sở các điều khoản sau đây:

   Customer/*Khách Hàng*: [ ]
   Type of Facility/*Loại Khoản Tín Dụng*: [ ]
   Proposed drawdown date/*Ngày rút vốn dự kiến*: [ ] (or, if that is not a Business Day, the next Business Day) /*[ ] (hoặc, nếu đó không phải là Ngày Làm Việc, thì là Ngày Làm Việc kế tiếp)*
   Currency of Loan/*Loại tiền Khoản Vay*: [VND]/[USD]
   Amount/*Số tiền*: [ ]
   Account Number(s)/ Số tài khoản: [ ] [*insert in case of an Overdraft Facility*]
   [Interest Rate: [ ] per annum in respect of the first Interest Period, and for each subsequent Interest Period, such rate as proposed by the Bank and confirmed by us in writing from time to time on or before the first day of the applicable Interest Period through our email address(es) as specified in the facsimile and/or email instructions previously signed by us.]
   Lãi Suất: [ ] theo năm đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên, và cho mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo, lãi suất này sẽ do Ngân Hàng đề xuất và được chúng tôi xác nhận tùy từng thời điểm vào hoặc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi áp dụng thông qua (các) địa chỉ email được chúng tôi chỉ định trong Các chỉ thị qua fax và/hoặc email đã được chúng tôi ký trước đó.
   Interest Period/*Kỳ Tính Lãi*: [1, 2, 3 or 6] month(s)/ *[1,2,3 hoặc 6] tháng*
   Interest Payment/*Thanh toán tiền lãi*: [Deducted upfront][Payable on drawdown date][Accrued interest paid on each Interest Payment Date][Accrued interest paid on the Due Date] / *[Trừ trước][Thanh toán vào ngày rút vốn][Lãi cộng dồn được trả vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi][Lãi cộng dồn được thanh toán vào Ngày Đến Hạn]*
   [Term/Tenor/Thời hạn/Kỳ hạn: [ ]][*Insert in the case of a Trade Loan Facility or Short Term Credit Facility/Điền cho Khoản Tín Dụng Khoản Vay Thương Mại hoặc Khoản Tín Dụng Ngắn Hạn*]
   [Loan Purpose/Mục đích vay:[ ]] [*insert in case of an Overdraft Facility*]

3. We confirm on the date of this Request that: (a) the representations set out in Clause [8] (*Representations and warranties*) of the GTA [and Clause 1.3(g) (*Additional Representations*) of the Facilities Agreement] are true and correct in all material respects; (b) the/each Customer is/are not in breach of any provisions of the Facility Documents (including, without limitation, Clause 9 (General *Covenants*) of the GTA[and Clause 1.3(h) (*Additional Covenants*) of the Facilities Agreement][and Clause 18 (*Events of Default*) of the GTA[and Clause 1.3(j) (*Additional Events of Default*) of the Facilities Agreement]]; and (c) if this drawing is a post-shipment payable finance, we have already received the goods and/or services from our supplier pertaining to the full value of the underlying evidentiary material in good order for the purpose of this drawing;.

   Chúng tôi xác nhận vào ngày của Đề Nghị này rằng: (a) các cam đoan quy định tại Điều [8] (Các Cam Đoan và Bảo Đảm] của TTVCĐKC [và Điều 1.3(g) (Các Cam Đoan Bổ Sung)] của Hợp Đồng Tín Dụng là đúng và chính xác trong tất cả các khía cạnh quan trọng; (b) (từng) Khách Hàng không vi phạm bất kỳ điều khoản nào của các Tài Liệu Tín Dụng (bao gồm, nhưng không giới hạn ở, Điều [9] (Các Giao Kết Chung) của TTVCĐKC [và Điều 1.3(h) (Các Giao Kết Bổ Sung) của Hợp Đồng Tín Dụng][và Điều [18] (Sự Kiện Vi Phạm) của TTVCĐKC[và Điều 1.3(j) (Sự Kiện Vi Phạm Bổ Sung) của Hợp Đồng Tín Dụng]]); và (c) nếu khoản rút vốn này là tài trợ khoản phải trả

sau vận chuyển, chúng tôi đã nhận hàng hóa và/ hoặc dịch vụ từ bên cung cấp của chúng tôi liên quan đến toàn bộ giá trị theo tài liệu chứng cứ gốc trong tình trạng tốt cho mục đích của khoản rút vốn này.[16]

4. [*For Short Term Credit Facility, please insert:]*[The proceeds of this Loan should be credited to the account below: [ ]]. *[For a Trade Loan Facility, please specify the payment instructions.]*

   [*Cho Khoản Tín Dụng Ngắn Hạn, điền:][Số tiền Khoản Vay này sẽ được ghi có vào tài khoản dưới đây: [ ].[Cho Khoản Tín Dụng Khoản Vay Thương Mại, ghi rõ các chỉ dẫn thanh toán .]*

5. [*For Overdraft Facility, please insert:*][We agree that when credits in our Overdraft Facility Account(s) are insufficient to cover for a payment instruction, this Request together with such payment instruction will (i) constitute a request for the relevant drawing under the Overdraft Facility; and (ii) serve as an underlying supporting document of the Overdraft purpose for the relevant drawing under the Overdraft Facility.]

   [Chúng tôi đồng ý rằng khi số dư có trong tài khoản của chúng tôi (s) không đủ để thực hiện một chỉ thị thanh toán, Đề nghị này cùng với chỉ thị thanh toán như vậy sẽ (i) tạo thành một đề nghị rút vốn dưới Khoản Tín Dụng Thấu Chi; và (ii) được xem như là một tài liệu hỗ trợ cơ bản của mục đích Thấu Chi cho việc rút vốn có liên quan dưới Khoản Tín Dụng Thấu Chi.]

6. This Request is irrevocable.

   Đề Nghị này không hủy ngang.

For and on behalf of
[*Name of the Customer , or, in case of multiple Customers, of the Customer requesting the Loan]*
Đại diện và thay mặt
[Tên của Khách Hàng, hoặc, trong trường hợp có nhiều Khách Hàng, tên của Khách Hàng đề nghị Khoản Vay]

_____
Authorised Signatory / *Người Ký Được Ủy Quyền*
Name/*Họ tên*:
Title/*Chức danh*:
Date/*Ngày*:

ANNEXURE D
PHU LUC D

[Letter Head of the JPMorgan Chase Bank, N.A., acting through its Ho Chi Minh City Branch]
[Giấy tiêu đề thư của Ngân Hàng JPMorgan Chase, N.A., hành động thông qua Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh]

Form of Notice of Extension of Availability Period
Mẫu Thông Báo Kéo Dài Thời Hạn Giải Ngân

To / *Kính gửi*: [*Name of Customer*] (the "**Customer**")
*[Tên của Khách Hàng] ("**Khách Hàng**")*

From / *Bên gửi*: JPMorgan Chase Bank, N.A., acting through its Ho Chi Minh City Branch (the "**Bank**")
*Ngân Hàng JPMorgan Chase, N.A., hành động thông qua Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("**Ngân Hàng**")*

Dated:
Ngày: ___ tháng ___ năm _____

Dear Sirs,
Thưa quý Công Ty,

Facilities Agreement
dated [ ] between the Bank and [ ] as Customer
(as amended from time to time, the "Facilities Agreement")
Hợp Đồng Tín Dụng
đề ngày ___ tháng ___ năm _____ giữa Ngân Hàng và [ ] với tư cách là Khách Hàng
(có thể được thay đổi tùy từng thời điểm, và được gọi là "Hợp Đồng Tín Dụng")

1. We refer to the Facilities Agreement.

   Chúng tôi dẫn chiếu đến Hợp Đồng Tín Dụng.

2. Terms used herein shall bear the same meaning as in the Facilities Agreement.

   Các thuật ngữ được sử dụng trong đây có ý nghĩa giống như trong Hợp Đồng Tín Dụng.

3. We hereby notify that with effect from date hereof the Availability Period of the Short Term Credit Facility will be extended to [*insert date*].

   Chúng tôi thông qua đây thông báo với hiệu lực kể từ ngày ký thư này Thời Hạn Giải Ngân của Khoản Tín Dụng Ngắn Hạn sẽ được kéo dài đến [điền ngày].

4. This notice shall constitute an integral part of the Facilities Agreement.

   Thông báo này cấu thành một phần không tách rời của Hợp Đồng Tín Dụng.

For and on behalf of
Đại diện và thay mặt

JPMorgan Chase Bank, N.A., acting through its Ho Chi Minh City Branch
Ngân Hàng JPMorgan Chase, N.A., hành động thông qua Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

_____
Authorised Signatory / *Người Ký Được Ủy Quyền*
Name/*Họ tên*:
Title/*Chức danh*:
Date/*Ngày*:

ANNEXURE E
PHỤ LỤC E
Form of Interest Period Notice
Mẫu Thông Báo Kỳ Tính Lãi

To: JPMorgan Chase Bank, N.A., acting through its Ho Chi Minh Branch (the "**Bank**")
*Kính gửi: Ngân Hàng JPMorgan Chase, N.A., hành động thông qua Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("**Ngân Hàng**")*

From: *[Name of the Customer, or, in case of multiple Customers, of the Customer requesting the Loan]*
Bên gửi: [Tên của Khách Hàng, hoặc, trong trường hợp có nhiều Khách Hàng, thì Khách Hàng đề nghị Khoản Vay]

Dated:
Ngày: ___ tháng ___ năm _____

Dear Sirs
Thưa quý Ngân Hàng

Facilities Agreement
dated [ ] between the Bank and [ ] as Customer
(as amended from time to time, the "Facilities Agreement")
Hợp Đồng Tín Dụng
đề ngày ___ tháng ___ năm _____ giữa Ngân Hàng và [ ] với tư cách là Khách Hàng
(có thể được thay đổi tùy từng thời điểm, và được gọi là "Hợp Đồng Tín Dụng")

1. We refer to the Facilities Agreement and the Request dated [ ] made in accordance with the Facilities Agreement (the "**Request**").

   *Chúng tôi dẫn chiếu đến Hợp Đồng Tín Dụng và Đề Nghị đề ngày ___ tháng ___ năm _____ được lập theo Hợp Đồng Tín Dụng ("**Đề Nghị**").*

2. We hereby irrevocably select the following Interest Period and Interest Rate of the Short Term Credit Facility which shall be effective from the succeeding Interest Period with regard to the Loan withdrawn in accordance with the Request**.**

   Chúng tôi thông qua đây lựa chọn một cách không hủy ngang Kỳ Tính Lãi và Lãi Suất của Khoản Tín Dụng Ngắn Hạn sau đây với hiệu lực kể từ Kỳ Tính Lãi kế tiếp đối với Khoản Vay được rút theo Đề Nghị.

Interest Period / *Kỳ Tính Lãi*:	[ ] month(s). / *[ ] tháng*
Interest Rate / *Lãi Suất*:	[ ] / *[ ]*

3. This Interest Period Notice is irrevocable.

   Thông Báo Kỳ Tính Lãi này không hủy ngang.

For and on behalf of
[*Name of the Customer , or, in case of multiple Customers, of the Customer requesting the Loan]*
Đại diện và thay mặt
[Tên của Khách Hàng, hoặc, trong trường hợp có nhiều Khách Hàng, tên của Khách Hàng đề nghị Khoản Vay]

_____
Authorised Signatory / *Người Ký Được Ủy Quyền*
Name/*Họ tên*:
Title/*Chức danh*:
Date/*Ngày*: